

**BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2026/TT-BCT

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Giờ .....C. Ngày .....27/3.....

Kính chuyển.....TTĐT.....

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;*

*Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương (sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 18 Thông tư số 23/2024/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương)**

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4 như sau:

*Handwritten signature*

c) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp hoặc cho tổ chức, doanh nghiệp có giấy phép hoạt động khoáng sản nhóm 1 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp (bao gồm tổ chức, doanh nghiệp có giấy phép hoạt động khoáng sản nhóm 1 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp còn hiệu lực), trừ tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.”

2. Sửa đổi khoản 6 Điều 1 như sau:

“6. Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 18 như sau:

e) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng, phòng cháy và chữa cháy đối với công trình sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy;”.

**Điều 2. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BCT (bổ sung Điều 28a vào sau Điều 28 Thông tư số 40/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí)**

“3a. Bổ sung Điều 28a vào sau Điều 28 Thông tư số 40/2018/TT-BCT như sau:

**Điều 28a. Trình tự, thủ tục chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động dầu khí gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận;

b) 03 (ba) bộ tài liệu về quản lý an toàn (Chương trình quản lý an toàn, Báo cáo đánh giá rủi ro, Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp) theo quy định (bằng tiếng Việt);

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định các tài liệu quản lý an toàn. Số lượng thành viên của Hội đồng phụ thuộc vào đặc điểm, tính chất và quy mô của các hoạt động dầu khí, nhưng tối thiểu phải có 05 người. Hội đồng thẩm định tổ chức xem xét sự phù hợp, nội dung các tài liệu quản lý an toàn. Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể xem xét thực tế tại công trình. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm lập biên bản họp thẩm định. Căn cứ biên bản họp thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đến tổ chức, cá



nhân đề nghị chấp thuận yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung để làm rõ các nội dung trong tài liệu.

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Sau khi kết thúc thẩm định, Hội đồng thẩm định lập Báo cáo kết quả thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có Báo cáo kết quả thẩm định”.

### **Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Thông tư số 38/2025/TT-BCT**

#### **“Điều 8. Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm**

1. Cục Hóa chất có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8 quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 161/2024/NĐ-CP quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ; điểm b, e, g khoản 4 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi các tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn địa phương có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đối với loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 theo quy định tại điểm b, điểm e khoản 4, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ”.

### **Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 Thông tư số 38/2025/TT-BCT (sửa đổi Phụ lục III Thông tư số 37/2013/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà)**

“2. Thay thế cụm từ “Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương (Đ/c: 54 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội)” tại phần kính gửi bằng cụm từ “Cơ quan cấp phép” và bãi bỏ nội dung “Phần mềm của Báo cáo gửi về Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương theo các địa chỉ email: haptd@moit.gov.vn; trangtm@moit.gov.vn” tại Phụ lục III”.

**Điều 5. Bổ sung khoản 6 Điều 27 Thông tư số 38/2025/TT-BCT**

“6. Thay thế cụm từ “Giấy phép do Bộ Công Thương cấp (Số ... )” bằng cụm từ “Giấy phép do Cơ quan cấp phép cấp (Số ... )” tại Phụ lục V”.

**Điều 6. Bổ sung khoản 1a trước khoản 1 Điều 33 Thông tư số 38/2025/TT-BCT (sửa đổi Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BCT)**

“1a. Sửa đổi Điều 2 như sau:

Điều 2. Mã số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định pháp luật về danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam tại thời điểm cấp phép”.

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35 Thông tư số 38/2025/TT-BCT (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 Thông tư số 10/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp)**

“1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương theo quy trình như sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

b) Lên kế hoạch về thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra;

c) Thông báo kế hoạch kiểm tra;

d) Tổ chức kiểm tra;

đ) Đánh giá kết quả kiểm tra;

e) Thông báo kết quả kiểm tra.”

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ~~10~~ tháng 4 năm 2026.

2. Thay thế một số biểu mẫu của phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT tại Phụ lục 1 Thông tư này.

3. Thay thế Bảng 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT tại Phụ lục 2 Thông tư này.



### **Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.

2. Các hồ sơ thủ tục hành chính đầy đủ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ./

*hal*

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện KSNDTC; Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Lãnh đạo Bộ; đơn vị thuộc Bộ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, VPB (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Phan Thị Thắng*  
**Phan Thị Thắng**

**Phụ lục 1**  
**CÁC BIỂU MẪU THAY THẾ MỘT SỐ BIỂU MẪU TẠI PHỤ LỤC I**  
**THÔNG TƯ SỐ 38/2025/TT-BCT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026*  
*của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

| STT các mẫu,<br>biểu mẫu tại<br>Thông tư số<br>38/2025/TT-BCT<br>được thay thế | Tên biểu mẫu                                                                             | Thay thế các biểu mẫu tương ứng<br>tại văn bản quy phạm pháp luật<br>chuyên ngành |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| <b>II</b>                                                                      | <b>Lĩnh vực: Kinh doanh thuốc lá</b>                                                     |                                                                                   |
| 06                                                                             | Phụ lục 20. Mẫu Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá                                    | Thay thế Phụ lục 20 Thông tư số 57/2018/TT-BCT                                    |
| 08                                                                             | Phụ lục 24. Mẫu Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                       | Thay thế Phụ lục 24 Thông tư số 57/2018/TT-BCT                                    |
| 10                                                                             | Phụ lục 43. Mẫu cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá               | Thay thế Phụ lục 43 Thông tư số 57/2018/TT-BCT                                    |
| 12                                                                             | Phụ lục 47. Mẫu cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                  | Thay thế Phụ lục 47 Thông tư số 57/2018/TT-BCT                                    |
| 14                                                                             | Phụ lục 49. Mẫu cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá                            | Thay thế Phụ lục 49 Thông tư số 57/2018/TT-BCT                                    |
| 16                                                                             | Phụ lục 53. Mẫu cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                               | Thay thế Phụ lục 53 Thông tư số 57/2018/TT-BCT                                    |
| 18                                                                             | Phụ lục 69. Mẫu báo cáo tình hình kinh doanh của thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá | Thay thế Phụ lục 69 Thông tư số 57/2018/TT-BCT                                    |

*HAL*

**II. Lĩnh vực thuốc lá****Mẫu số 06**

**PHỤ LỤC 20**  
**MẪU GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
*(Thay thế Phụ lục 20 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH/THÀNH PHỐ**  
 .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND

....., ngày.....tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP**  
**PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

Căn cứ .....(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(2);

Theo đề nghị của .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

1. Cho phép.....(2)

*UKL*

2. Địa chỉ trụ sở chính.....;
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ .... ngày ..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
- Tên: .....;
- Địa chỉ: .....; Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá, như sau:
- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:
- .....(3)
- Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:
- .....(4)
7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:
- .....(5)

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan.

## **Điều 3. Thời hạn của Giấy phép**

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

### **Nơi nhận:**

- .....(2);
- .....(4,5);
- Lưu: VT, ...(6,7).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(ký tên và đóng dấu)

*Handwritten signature*



*Chú thích:*

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.
- (2): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).
- (4): Ghi rõ các tỉnh, thành phố thương nhân được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá.
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (6): Tên các tổ chức có liên quan.
- (7): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

**PHỤ LỤC 24**  
**MẪU GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
*(Thay thế Phụ lục 24 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
..... (1)      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:      /GP-UBND      ....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP**  
**BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU..... (1)**

Căn cứ ..... (2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số      /2026/TT-BCT ngày      tháng      năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số ..... ngày ... tháng .... năm .... của..... (4);

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

1. Cho phép.....(3)
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại:..... Fax:.....;

*UNE*

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày.....tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

- Tên: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(4)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(5)

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:**

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan

## **Điều 3. Thời hạn của Giấy phép**

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- ..... (4);

- .....(5);

- Lưu: VT, ...(6).

(Ký tên và đóng dấu)

**Chú thích:**

(1): Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu nơi thương nhân được phép kinh doanh.

11/11

(2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.

(3): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.



**Mẫu số 10**

**PHỤ LỤC 43**  
**MẪU CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
*(Thay thế Phụ lục 43 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND

....., ngày.....tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP**  
**PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
**(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

Căn cứ .....(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số...(2)...ngày ... tháng .... năm .....do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... cấp cho..... (3);

Căn cứ Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ .....) số...(2)...ngày ... tháng .... năm .....do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... cấp cho..... (3) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(3);

Theo đề nghị của .....

*14/11/2025*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số...(2)...như sau:

.....(4)

**Điều 2.** Các nội dung khác quy định tại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số .....(2) không thay đổi

**Điều 3.** Trách nhiệm thực hiện

.....(3) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 4.** Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- ..... (3);
- .....(5);
- Lưu: VT, ...(6).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(ký tên và đóng dấu)

**Chú thích:**

(1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.

(2): Ghi rõ số các Giấy phép đã được cấp.

(3): Tên doanh nghiệp.

(4): Ghi nội dung sửa đổi, bổ sung.

(5): Tên các tổ chức có liên quan.

(6): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

*hml*

Mẫu số 12

**PHỤ LỤC 47**  
**MẪU CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
*(Thay thế Phụ lục 47 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
..... (1)      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:      /GP-UBND

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**GIẤY PHÉP**  
**BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU..... (1)**

Căn cứ .....(2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(3)...ngày ... tháng .... năm ....do (7)..... cấp cho .....(4);

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần .....) số...(3)...ngày ... tháng .... năm ....do ..(6)... cấp cho .....(4) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(4);

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(3)...như sau  
.....(5)

**Điều 2.** Các nội dung khác quy định tại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số  
.....(3) không thay đổi

**Điều 3.** Trách nhiệm thực hiện

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan

**Điều 4.** Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- ..... (3);
- .....(6);
- Lưu: VT, .....(7).

(ký tên và đóng dấu)

**Chú thích:**

- (1) Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu
- (2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu
- (3): Số giấy phép đã được cấp.
- (4): Tên thương nhân.
- (5): Nội dung sửa đổi, bổ sung
- (6): Tên các tổ chức có liên quan.
- (7) Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.





**PHỤ LỤC 49**  
**MẪU CẤP LẠI GIẤY PHÉP PHÂN PHỐI**  
**SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
*(Thay thế Phụ lục 49 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH/THÀNH PHỐ**  
 .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**GIẤY PHÉP**  
**PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
 (Cấp lại lần thứ .....)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

*Căn cứ .....(1);*

*Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;*

*Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;*

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(2);

Theo đề nghị của .....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

1. Cho phép.....(2)

*unk*

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....;
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày ..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
- Tên: .....;
- Địa chỉ: .....; Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá, như sau:
- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:
- .....(3)
- Được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:
- .....(4)
7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:
- .....(5)

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:**

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 3. Thời hạn của giấy phép**

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

**Nơi nhận:**

- ..... (2);
- .....(3,4);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(ký tên và đóng dấu)

*Handwritten signature*

- Lưu: VT, .....(6).

*Chú thích:*

(1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.

(2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá; các doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(4): Ghi rõ các tỉnh, thành phố thương nhân được phép tổ chức phân phối sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

**Mẫu số 16**

**PHỤ LỤC 53**  
**MẪU CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LẺ**  
**SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
*(Thay thế Phụ lục 53 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 ..... (1) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND ..... ngày..... tháng..... năm 20.....

**GIẤY PHÉP**  
**BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
 (Cấp lại lần thứ.....)

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU..... (1)**

Căn cứ ..... (2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(3);

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

1. Cho phép.....(3)
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....



3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm.....đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng.....năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:
- + Tên: .....;
- + Địa chỉ: .....;
- + Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhận phân phối, bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:
- .....(4)
7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:
- .....(5)

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

.....(3) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật liên quan

## **Điều 3. Thời hạn của Giấy phép (7)**

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

### **Nơi nhận:**

- ..... (4);
- .....(5);
- Lưu: VT, .....(6).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(ký tên và đóng dấu)

### **Chú thích:**

(1): Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu nơi thương nhân được phép kinh doanh.

(2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu

(3): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

(7): Thời hạn của Giấy phép là thời hạn đã được ghi trong Giấy phép đã được cấp lần đầu.



**Mẫu số 18**

**PHỤ LỤC 69**  
**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÁC THƯƠNG**  
**NHÂN PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
*(Thay thế Phụ lục 69 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**TÊN THƯƠNG NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../20.../BC-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA THƯƠNG NHÂN**  
**PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ**  
*(6 tháng đầu năm .....; cả năm .....)*

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....  
 - Sở Công Thương.....

Tên thương nhân...

Trụ sở tại.....

Điện thoại.....Fax...

Số Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá: .....do ....cấp ngày .... tháng ... năm

....

Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá được cấp sửa đổi, bổ sung số: .....do  
 ....cấp ngày .... tháng ... năm ....(nếu có)

| <b>I Tình hình phân phối sản phẩm thuốc lá</b>                |                                                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|
| <b>STT</b>                                                    | <b>Mua của các Nhà<br/>cung cấp, các thương<br/>nhân phân phối</b> | <b>Tồn kho trong kỳ</b>             |                                    | <b>Mua vào trong kỳ</b>             |                                    | <b>Bán ra trong kỳ</b>              |                                    |
|                                                               |                                                                    | <b>Số lượng<br/>(1.000<br/>bao)</b> | <b>Trị giá<br/>(1.000<br/>VNĐ)</b> | <b>Số lượng<br/>(1.000<br/>bao)</b> | <b>Trị giá<br/>(1.000<br/>VNĐ)</b> | <b>Số lượng<br/>(1.000<br/>bao)</b> | <b>Trị giá<br/>(1.000<br/>VNĐ)</b> |
| 1                                                             |                                                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| 2                                                             |                                                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| 3                                                             |                                                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| ...                                                           |                                                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
|                                                               | <b>Tổng cộng</b>                                                   |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| <b>II Chi tiết tình hình bán hàng tại các tỉnh, thành phố</b> |                                                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| <b>STT</b>                                                    | <b>Mua của các Nhà<br/>cung cấp, các thương<br/>nhân phân phối</b> | <b>Tỉnh....</b>                     |                                    | <b>Tỉnh....</b>                     |                                    | <b>Tỉnh....</b>                     |                                    |
|                                                               |                                                                    | <b>Số lượng<br/>(1.000 bao)</b>     | <b>Trị giá<br/>(1.000<br/>VNĐ)</b> | <b>Số lượng<br/>(1.000<br/>bao)</b> | <b>Trị giá<br/>(1.000<br/>VNĐ)</b> | <b>Số lượng<br/>(1.000<br/>bao)</b> | <b>Trị giá<br/>(1.000<br/>VNĐ)</b> |
| 1                                                             |                                                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| 2                                                             |                                                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| 3                                                             |                                                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |

| ...         |                                                                      |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
|-------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|
|             | <b>Tổng cộng</b>                                                     |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| <b>III.</b> | <b>Chi tiết tình hình bán hàng tại các địa điểm bán lẻ</b>           |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| <b>STT</b>  | <b>Địa chỉ, điện thoại của các địa điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá</b> | <b>Tồn kho trong kỳ</b>             |                                    | <b>Mua vào trong kỳ</b>             |                                    | <b>Bán ra trong kỳ</b>              |                                    |
|             |                                                                      | <b>Số lượng<br/>(1.000<br/>bao)</b> | <b>Trị giá<br/>(1.000<br/>VNĐ)</b> | <b>Số lượng<br/>(1.000<br/>bao)</b> | <b>Trị giá<br/>(1.000<br/>VNĐ)</b> | <b>Số lượng<br/>(1.000<br/>bao)</b> | <b>Trị giá<br/>(1.000<br/>VNĐ)</b> |
| 1           |                                                                      |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| 2           |                                                                      |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| 3           |                                                                      |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
| ...         |                                                                      |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
|             | <b>Tổng cộng</b>                                                     |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |
|             |                                                                      |                                     |                                    |                                     |                                    |                                     |                                    |

**IV. Kiến nghị; đề xuất...**

**Người lập báo cáo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện theo pháp luật**  
(ký tên, đóng dấu)



## **Phụ lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Bảng 2

### **GHI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

#### **I. Số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

##### **1. Cấu trúc của số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

a) Số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do Sở Công Thương các tỉnh, thành phố cấp gồm 9 chữ số (00-00000-00).

b) Số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao cấp gồm các chữ đặc định riêng cho Ban quản lý (BQL, BQLVSIP, BQLKKT, BQLCNC ...và 9 chữ số (00-000-00).

c) Cấu trúc 9 chữ số:

- 02 chữ số đầu thể hiện Mã số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- 05 chữ số tiếp theo, từ 00001 đến 99999, là số thứ tự theo thời gian cấp phép do cơ quan cấp phép địa phương quy định;
- 02 chữ số cuối, từ 01 đến 99, là số thứ tự theo thời gian của Văn phòng đại diện của cùng một thương nhân, do thương nhân tự khai báo.

d) Ví dụ ghi số Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

- Giấy phép thứ 10 do Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Văn phòng đại diện thứ nhất của thương nhân nước ngoài ABC, số Giấy phép được ghi: 79-00010-01;

- Giấy phép thứ 8 do Ban quản lý khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Văn phòng đại diện thứ hai của thương nhân nước ngoài ABC, số Giấy phép được ghi: BQLKCNC-79-00008-02.

- Giấy phép thứ 5 do Ban quản lý VSIP tỉnh Đồng Nai cấp cho Văn phòng đại diện thứ ba của thương nhân nước ngoài ABC, số Giấy phép được ghi: BQLVSIP-75-00005-03.

##### **2. Hướng dẫn ghi một số chi tiết trên Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

**2.1. Cấp lần đầu:** ghi ngày tháng năm cấp Giấy phép thành lập

- Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài AAA lần đầu vào Việt Nam. Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy phép thành lập vào ngày 01 tháng 9 năm 2025, ghi:

*Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 9 năm 2025*

**2.2. Cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP:**

Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài BBB có Giấy phép thành lập số 01000010, do Sở Công Thương Hà Nội cấp vào ngày 10 tháng 10 năm 2013. Nay chấm dứt hoạt động ở Hà Nội và chuyển đến Đà Nẵng. Sở Công Thương Đà Nẵng cấp Giấy phép vào ngày 05 tháng 9 năm 2025, ghi:

*Cấp lần đầu: ngày 05 tháng 9 năm 2025*

*(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000010, ngày 10 tháng 10 năm 2013)*

**2.3. Cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP: ghi theo lần cấp lại gần nhất**

Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài BBB đã được cấp Giấy phép thành lập, nay được cấp lại lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, ghi:

*Cấp lần đầu: ngày 05 tháng 9 năm 2025*

*Cấp lại lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2025*

*(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000100, ngày 10 tháng 10 năm 2013)*

**2.4. Điều chỉnh: ghi theo lần Điều chỉnh gần nhất**

- Trường hợp Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài BBB đã được cấp Giấy phép thành lập, nay được điều chỉnh lần đầu ngày 30 tháng 01 năm 2026, ghi:

*Cấp lần đầu: ngày 05 tháng 9 năm 2025*

*Cấp lại lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2025*

*Điều chỉnh lần đầu: ngày 30 tháng 01 năm 2026*

*(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000100, ngày 10 tháng 10 năm 2013)*

- Trường hợp Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài BBB đã được cấp Giấy phép thành lập, nay được điều chỉnh lần 2 vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, ghi:

*Cấp lần đầu: ngày 05 tháng 9 năm 2025*

*Cấp lại lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2025*

*Điều chỉnh lần đầu: ngày 30 tháng 01 năm 2026*

*MAK*

*Điều chỉnh lần: 2, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

*(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000100, ngày 10 tháng 10 năm 2013)*

**2.5. Gia hạn:** ghi theo lần gia hạn gần nhất

- Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài BBB đã được cấp Giấy phép thành lập, nay được gia hạn lần đầu vào ngày 10 tháng 10 năm 2018, ghi:

*Cấp lần đầu: ngày 05 tháng 9 năm 2025*

*Cấp lại lần đầu: ngày 31 tháng 12 năm 2025*

*Điều chỉnh lần: 2, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

*Gia hạn lần đầu: ngày 10 tháng 10 năm 2018*

*Gia hạn lần: 2, ngày 10 tháng 10 năm 20023*

*(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 01000100, ngày 10 tháng 10 năm 2013)*

**3. Hướng dẫn ghi số Giấy phép của Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực**

Thương nhân nước ngoài đã được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nay có nhu cầu cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2006/NĐ-CP hoặc Điều chỉnh hoặc gia hạn Giấy phép thành lập, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép mới theo quy định tại Nghị định số 07/2007/NĐ-CP và Thông tư này, đồng thời ghi số Giấy phép mới theo hướng dẫn nêu tại Thông tư này.

Ví dụ:

- Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài CCC có Giấy phép thành lập số 01000020, do Sở Công Thương Hà Nội cấp vào năm 2013, nay đề nghị điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện. Thương nhân CCC khai báo đây là Văn phòng đại diện thứ hai của họ tại Việt Nam. Sở Công Thương Hà Nội cấp Giấy phép mới với nội dung đã được điều chỉnh và ghi số Giấy phép mới là: 01-00020-02.

- Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài DDD có Giấy phép thành lập số 41000015, do Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào năm 2011, nay đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động. Thương nhân DDD khai báo đây là Văn phòng đại diện thứ tư của họ tại Việt Nam. Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép mới với thời hạn đã được gia hạn và ghi số Giấy phép mới là: 79-00015-04.

**II. Số Giấy phép thành lập Chi nhánh**

**1. Cấu trúc của số Giấy phép thành lập Chi nhánh**

a) Giấy phép thành lập Chi nhánh gồm 8 chữ số (0000-00/00)

*1/1/1/1*

- 04 chữ số đầu thể hiện năm cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh.
- 02 chữ số sau là mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Chi nhánh đặt trụ sở chính. Mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định pháp luật về danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam tại thời điểm cấp phép.
- 02 chữ số sau là số thứ tự của Giấy phép thành lập Chi nhánh theo thứ tự thời gian Cơ quan cấp Giấy phép cấp phép trong năm đó.

b) Ví dụ cách ghi số Giấy phép thành lập Chi nhánh

- Giấy phép thứ 10 được cấp tại thành phố Hải Phòng trong năm 2025, số Giấy phép được ghi: 2025-31/10.

- Giấy phép thứ 2 được cấp tại thành phố Hà Nội trong năm 2026, số Giấy phép được ghi: 2026-01/02.

## 2. Hướng dẫn ghi số Giấy phép của Chi nhánh

2.1. Đối với Giấy phép của Chi nhánh do UBND cấp tỉnh cấp phép lần đầu, thực hiện theo quy định tại điểm 1 Mục II Bảng này. Trường hợp thương nhân nước ngoài đề nghị cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép, ghi rõ thời gian của việc cấp lại/điều chỉnh/gia hạn được thực hiện trên Giấy phép.

2.2. Đối với Giấy phép của Chi nhánh do Bộ Công Thương cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực, số Giấy phép đã cấp còn nguyên hiệu lực, giá trị. Trường hợp thương nhân nước ngoài đề nghị cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép do Bộ Công Thương cấp, Cơ quan cấp Giấy phép ghi số Giấy phép theo quy định về cấu trúc số Giấy phép tại điểm 1 Mục II Bảng này, đồng thời ghi rõ việc cấp lại/điều chỉnh/gia hạn được thực hiện trên cơ sở Giấy phép do Bộ Công Thương cấp; việc cấp đổi số Giấy phép chỉ thực hiện một lần duy nhất. .

Ví dụ: Trường hợp Chi nhánh của thương nhân nước ngoài XYZ có trụ sở tại thành phố Hà Nội đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép thành lập số 2025-05 ngày 25 tháng 5 năm 2025. Nay, thương nhân XYZ đề nghị được điều chỉnh Giấy phép lần đầu, Cơ quan cấp Giấy phép điều chỉnh ghi:

Số: 2026-01/03

*Cấp lần đầu: ngày 25 tháng 5 năm 2025*

*Điều chỉnh lần đầu: ngày 30 tháng 01 năm 2026*

*(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép số 2025-05, ngày 25 tháng 5 năm 2025)*

Trong đó, số Giấy phép của Chi nhánh hiển thị 3 thông tin gồm:

- Năm Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép do Bộ Công Thương cấp (năm 2026);

*MMH*

- Mã số đơn vị hành chính của thành phố Hà Nội theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (mã số 01);

- Số thứ tự của Giấy phép thành lập Chi nhánh được cấp trong năm 2026, tại thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Hà Nội điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân XYZ (thứ tự số 03).

Ghi tương tự với trường hợp cấp lại, gia hạn Giấy phép./.